TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2019/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Thị Lệ Thu

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Hồng Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", Theo Quyết định mở phiên họp số 16A/2019/QĐ-TA ngày 05/7/2019 bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Chị Trịnh Thị L, sinh ngày 16/12/1985; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh

2. Anh Trần Thế N, sinh ngày 28/02/1981; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố 4, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Liên bang Nga.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Theo Đơn xin ly hôn; bản tự khai của chị Trịnh Thị L và Đơn khởi kiện ly hôn; bản tự khai của anh Trần Thế N trình bày thống nhất như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Trần Thế N đăng ký kết hôn ngày 06/02/2009 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2012 anh Trần Thế N đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, do khoảng cách về địa lý xa xôi, vợ chồng chồng không có thời gian, điều kiện bên nhau để hàn gắn những mâu thuẫn dẫn đến cả hai không còn sự tôn trọng và tình yêu dành cho nhau, không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy, tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng nên chị L và anh N thống nhất thuận tình ly hôn để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Trâm A, sinh ngày 02/12/2009 và Trần Trọng H, sinh ngày 02/10/2011, chị Trịnh Thị L và anh Trần Thế N yêu cầu công nhận sự thỏa thuận giao hai con chung cho chị Trịnh Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành, anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Thế N có đơn yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và anh N ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho bà Bùi Thị V (mẹ đẻ anh N); địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Trần Thế N hiện đang sinh sống tại Liên bang Nga. Theo Công văn số 9287/QLXNC-P5 của Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh thì anh Trần Thế N đã xuất cảnh ngày 13/11/2012, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh N có đơn yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho bà Bùi Thị V (mẹ đẻ anh N); địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh N theo thủ tục chung .

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Trần Thế N đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2009 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của chị Trịnh Thị L và anh Trần Thế N hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Năm 2012 anh Trần Thế N đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, do khoảng cách về địa lý xa xôi, vợ chồng

không có điều kiện, thời gian bên nhau để hàn gắn những mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng càng phai nhạt, cả hai không còn sự tôn trọng và tình yêu dành cho nhau, không còn quan tâm đến nhau. Nay, các đương sự đều tự nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ này.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng cuộc hôn nhân của chị Trịnh Thị L và anh Trần Thế N không đạt được mục đích đó.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...."(Điều 55).

Như vậy, chị L và anh N đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Hai cháu Trần Thị Trâm A, sinh ngày 02/12/2009 và Trần Trọng H, sinh ngày 02/10/2011 hiện đang sinh sống cùng với chị Trịnh Thị L, được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, các cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, mặt khác anh Trần Thế N đang sinh sống lao động tại nước ngoài nên sự thỏa thuận của chị L và anh N về việc giao hai con chung cho chị L trực tiếp chăm nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của hai cháu A và H nên cần căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của họ để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị L và anh Trần Thế N

2. Quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Trần Thị Trâm A, sinh ngày 02/12/2009 và Trần Trọng H, sinh ngày 02/10/2011 cho chị Trịnh Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Trần Thế N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Trịnh Thị L (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 001291 ngày 29/3/2019 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND phường N;
- UBND phường B;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Trương Thị Lệ Thu